

Bản án số: **74/2020/HSPT**
Ngày: 18 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các thẩm phán: Ông **Trương Minh Tuấn**

Ông **Võ Ngọc Thông**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Nam Anh**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 103 /2020/TLPT-HS ngày 09 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Ngô Phú D cùng đồng bọn về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”; “*Cố ý gây thương tích*”. Do có kháng cáo của bị cáo, kháng nghị của Viện kiểm sát đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HS-ST ngày 25-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Bị cáo có kháng cáo, và bị kháng nghị:

1. **Ngô Phú D** (Tên gọi khác: D Đùm), sinh năm 1987 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Phú Chính (Đã chết) và bà Phạm Thị Hai (Đã chết); tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 05/11/2009 bị Tòa án nhân dân Đ xử phạt 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/12/2017 đến ngày 12/12/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Tấn Tiến V**, sinh năm 1994 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H (Đã chết) và bà Trần Thị Thu N, sinh năm 1972; có vợ tên N Minh H, sinh năm 1995; có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/01/2018 đến ngày 14/02/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

3. **Phạm Ngân V1**, sinh năm 1992 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Phạm Thị C, sinh năm 1968; tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 13/01/2015 bị Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Nhân thân: Năm 2011 bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng xử phạt 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/7/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

4. **Huỳnh Hữu P**, sinh năm 1993 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Phụ xe; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh P, sinh năm 1966 và bà Lương Thị H, sinh năm 1969; có vợ là Phạm Thị Minh N, sinh năm 1995; có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 08/6/2009 bị Công an Đ xử phạt Cảnh cáo về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe, tính mạng người khác”;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/12/2017 đến ngày 12/12/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

5. **Lê Văn V2** (Tên gọi khác: V2 Em), sinh năm 1988 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn E, 50 tuổi và bà Nguyễn Thị T, 56 tuổi; có vợ là Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1990; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/01/2018 đến ngày 12/12/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

6. **Hà Văn T** (Tên gọi khác: T Ba Đèo), sinh năm 1991 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn B, sinh năm 1960 và bà Đoàn Thị N, sinh năm 1964; có vợ là Lê Thị Lệ G, sinh năm 1994; có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 10/12/2013 bị Tòa án nhân dân Đ xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/12/2017 đến ngày 12/12/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

7. **Phạm Tiến Đ** (Tên gọi khác: U), sinh năm 1991 tại tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình T, sinh năm 1947 và bà Mai Thị B, sinh năm 1955; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/01/2018 đến ngày 28/6/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

8. **Phạm Quang T1** (Tên gọi khác: Q), sinh năm 1994 tại tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình M, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1975; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/01/2018 đến ngày 12/02/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

9. **Trần Hữu H**, sinh năm 1998 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu B, sinh năm 1963 và bà Hà Thị Thu D, sinh năm 1967; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/01/2018 đến ngày 14/8/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

10. **Nguyễn Văn T3** (Tên gọi khác: T3 H6), sinh năm 1983 tại huyện D, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: huyện D, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957; có vợ là Lương Thị D, sinh năm 1990; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 24/01/2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/12/2017 đến ngày 12/12/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

11. **Văn Phú S**, sinh năm 1988 tại huyện D, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: huyện D, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Văn Phú N, sinh năm 1959 và bà Hồ Thị H, sinh năm 1964; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 02/2/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/12/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

12. **Nguyễn Hồng V4**, sinh năm 1987 tại huyện D, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: huyện D, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1956 và bà

Phạm Thị M, sinh năm 1956; có vợ là Võ Thị Bích T, sinh năm 1988; có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Năm 2004 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 02/02/2007 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định “Đưa vào cơ sở giáo dục”, thời hạn 24 tháng.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/12/2017 đến ngày 12/12/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

13. **Nguyễn Quang T5**, sinh năm 1983 tại huyện D, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: huyện D, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang N, sinh năm 1939 và bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1940; có vợ là Hồ Thị B, sinh năm 1983; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Năm 2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản”;

- Năm 2002 bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Năm 2007 bị Công an thị trấn N, huyện D phạt 100.000 đồng về hành vi “Gây mất trật tự công cộng”;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/12/2017 đến ngày 12/12/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

14. **Nguyễn S1** (Tên gọi khác: S1 Chết), sinh năm 1996 tại huyện D, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1962; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2012, Công an thị trấn N, huyện D phạt 300.000 đồng về hành vi “Đánh nhau”;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/12/2017 đến ngày 25/01/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Nguyễn Văn H2: Trú tại: Quảng Nam; có đơn xin xét xử mặt.

Trong vụ án này còn có các bị cáo: Trần Công N1, Lê Công B, Đặng Bảo T2, Trần Nhật T3, Văn Công V2, Trần Duy L, Văn Anh K, Huỳnh Tấn M cùng bị xét xử về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng các bị cáo không kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 18/11/2017, Nguyễn Văn H2 (sinh năm 1985, HKTT: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam) đến quán cà phê của ông Phan B (tên gọi khác: B, sinh năm 1968) ở khu vực chợ thị xã Đ để tìm người để đánh bạc. Tại đây, H2 gặp Lương Phú T5 (tên gọi khác: T5 Đan, sinh năm 1986, HKTT: thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam, có quen biết với H2) thì T5 hỏi mượn H2 số tiền 4.500.000 đồng để khi có người đánh bạc thì T5 tham gia và sẽ trả lại cho H2 trong ngày. Nhưng tại quán cà phê của ông Phan B không có ai đánh bạc nên T5 không tham gia nhưng cũng không trả lại tiền cho H2.

Khoảng 15 giờ ngày 20/11/2017, Nguyễn Văn H2 bảo Nguyễn Tấn Tiến V (sinh năm: 1994, trú: xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam) chở H2 đến quán cà phê của ông Phan B. Tại đây, H2 điện thoại cho Lương Phú T5 đòi số tiền 4.500.000 đồng T5 đã mượn thì giữa H2 và T5 xảy ra cãi nhau. Sau khi điện thoại cho T5, H2 điện thoại cho Ngô Phú D (tên gọi khác D Đùm, sinh năm 1987, trú: xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam) nói H2 bị mấy đứa thôn T (nay là khối phố B), thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam đòi đánh và bảo D đến nhà ông Phan B.

Lúc D nghe điện thoại của H2 là lúc đang ngồi uống cà phê cùng với Huỳnh Hữu P (tên gọi khác: B, sinh năm 1993, trú: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam), Lê Văn V2 (tên gọi khác: V2 Em, sinh năm 1988, trú: xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam) và Phạm Ngân V1 (sinh năm 1992, trú: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam) tại một quán nước gần sân bóng xã Đ, thị xã Đ nên V1, V2, P cũng nghe được cuộc điện thoại giữa D và H2. Vì vậy nên V1 điện thoại gọi một xe taxi đến chở D, P, V2, V1 đến nhà ông Phan B. Trong lúc chờ taxi thì Võ Văn H6 (tên gọi khác: H6 Mít, sinh năm 1991,

trú thị xã Đ) gọi điện thoại cho D nói D đến ngã ba V đón H6 cùng đi. Khi đến điểm hẹn đón H6 thì thấy H6 có mang theo 01 bao lát bên trong đựng khoảng 04 đến 05 con dao lờ (dao mát). H6 mở cốp xe taxi của D, P, V2, V1 cất giấu bao lát đựng dao rồi gọi 01 xe taxi khác chở H6 (do người H6 to không ngồi chung xe với D, P, V2, V1 được) đi cùng đến nhà ông Phan B. Khi đi đến trước khu vực nhà ông Phan B, thấy Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Tấn Tiến V đang đứng tại đây, H6 xuống xe nói chuyện với H2, còn D, P, V2, V1 vẫn ngồi trong xe taxi. H6 nói chuyện với H2 xong thì quay lại xe taxi nói với D là “toàn anh em cả, không có gì”. Nói xong thì H6 và V lên xe taxi của H6, H2 chạy xe máy một mình, cả nhóm quay về thị trấn Nam phước. Khi đi đến đoạn đường gần ngã 4 giao cắt giữa QL1A cũ và cầu Đen (cầu G), H2 dừng lại điện thoại cho Lương Phú T5 thì T5 bảo H2 đến quán bê thui T thuộc khối phố B, thị trấn N, huyện D để gặp T5. Lúc này, tình cờ H2 nhìn thấy Văn Công T6 (tên gọi khác: T6 Can, trú: Khối phố B, thị trấn N) đi ngang qua nên H2 gọi T6 dừng lại. H2 nhờ T6 dẫn đến quán bê thui T, còn nhóm D, P, V2, V1 và V về ngã ba N ăn mì Quảng.

Đến quán bê thui T, H2 nhìn thấy T5 đang ngồi nhậu cùng Văn Công V2 (tên gọi khác V2 Lanh, sinh năm 1982, trú: Khối phố B, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam), Nguyễn Văn T3 (tên gọi khác: T3 H6, sinh năm 1982, trú: Khối phố B, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam); Nguyễn Quang T7 (tên gọi khác: H6 Dàn, sinh năm 1982, trú: Khối phố B, thị trấn N, huyện D). H2 đến gặp T5 đòi số tiền 4.500.000 đồng thì giữa H2 và T5 xảy ra cãi nhau. Sau đó, H2 và T5 đi ra trước quán T tiếp tục cãi nhau, Văn Công V2 cũng đi ra chỗ T5 và H2 để cãi nhau. Lúc này, Nguyễn D2 (tên gọi khác: D2 Nhì, sinh năm 1992, trú: Khối phố B, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam) đi ngang quán bê thui T nhìn thấy phía trước quán có nhiều người tụ tập ồn ào, D2 đứng lại xem thì thấy Văn Công V2, Lương Phú T5 đang to tiếng, xô đẩy Nguyễn Văn H2. D2 đi vào trong quán bê thui T, nhìn thấy con dao (dùng để chặt thịt bê) để trên bàn, D2 đến cầm con dao đi ra nơi V2, T5 đang cãi vã, giằng co với H2. Nghe H2 to tiếng thách đố T5 nên D2 tức giận cầm con dao xông đến chém H2 từ trên xuống vào đầu của H2, H2 tránh được, D2 tiếp tục chém H2 thì H2 đưa tay phải lên đỡ nên đã trúng vào tay phải và trúng vào đầu gây thương tích 10%.

Cũng trong khoảng thời gian này, Văn Phú S (tên gọi khác: S Ngãi, sinh năm 1988, trú: thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam có quen biết T5) chạy xe máy đi ngang qua quán T nhìn thấy H2 và T5 đang to tiếng với nhau. S nghe H2 đòi đánh T5 nên dừng lại, dựng xe máy bên đường (đối diện quán T), đi tìm 01 khúc cây để giúp T5 đánh H2 nhưng không tìm thấy. S tiếp tục chạy đến khu vực chợ

gần đó tìm hung khí thì nhìn thấy 01 con dao cũ (đã rỉ sét) đặt sẵn ở sạp bán thịt, S cầm con dao quay lại quán T, thấy H2 và T5 còn to tiếng với nhau. S đi thẳng vào quán T thấy T3, T7, V đang ngồi nhậu nên đến hỏi có chuyện gì đang xảy ra. Chưa ai trả lời thì nghe trước quán có tiếng la ré. S chạy ra thấy Nguyễn D2 từ đâu chạy đến dùng dao chém H2 mấy nhát nên S cũng cầm dao xông vào chém H2 02- 03 nhát (trong đó có 01 nhát dao S quơ trúng tay T5 gây thương tích nhẹ) thì Văn Công V2 can ngăn, ôm cản S lại còn T3 kéo H2 qua bên đường rồi lấy xe máy chở H2 đi một đoạn khoảng 200 m thì H2 bảo T3 dừng lại, H2 xuống xe.

Khoảng thời gian này, D, P, V2, V1, H6, V đang ăn mì Quảng tại quán mì ở thị trấn N thì H2 điện thoại cho V nói H2 bị chém ở quán bê thui T. Nghe điện thoại xong, V, D, P, V2, V1, H6 chạy ra mở cốp xe taxi, mỗi người lấy 01 con dao (của H6 mang theo trước đó) rồi lên xe taxi chạy đến quán bê thui T. Khi đi đến gần quán bê thui T, cả nhóm nhìn thấy H2 đang đứng giữa đường, đầu và tay chảy máu nhiều. D, P, V2, V1, H6, V cầm dao xuống xe, được H2 dẫn đến quán T nhưng trong quán không còn ai. V1 đã cầm dao mang theo đập vỡ 01 số ly để trên bàn rồi cả nhóm bỏ đi. Do H2 chảy máu nhiều ở vùng đầu và tay nên D, P, V2, V1, H6, V gọi xe taxi đưa H2 đến Bệnh viện đa khoa V thuộc thị trấn V, thị xã Đ để cấp cứu. Còn D, P, V2, V1, H6, V cầm dao đi bộ qua cầu C rồi gọi taxi chở đến Bệnh viện V. V vào Bệnh viện với H2 còn nhóm D, P, V2, V1, H6 đến quán cà phê N đối diện Bệnh viện V uống nước. Tại đây, H6 điện thoại cho Thân Phạm C (tên gọi khác: C Chanh, sinh năm: 1987, trú tại: Cầu Nhi T9, Điện An, Đ, Quảng Nam là anh em bạn bè thân thiết với H2 và H6) nói H2 bị chém đang cấp cứu tại Bệnh viện V. Khoảng 30 phút sau, C đến quán cà phê N gặp H6 hỏi “ai chém H2, tại sao lại chém H2” H6 kể cho C nghe sự việc đã xảy ra với H2.

Tại Bệnh viện V, H2 có nói với V là Văn Công V2 điện thoại cho H2 là sẽ ra Bệnh viện để đánh H2 và bảo V đến quán N thông báo cho D, P, V2, V1 H6 biết để bảo vệ H2. Khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, V đến quán N nói cho D, P, V2, V1, H6 biết việc Văn Công V2 sẽ kéo người ra đánh H2. Tại đây, D điện thoại cho Lê Công B (sinh năm: 1993, trú: huyện Đ, tỉnh Quảng Nam), Trần Công N1 (tên gọi khác: N què, sinh năm 1989, trú: huyện Đ, tỉnh Quảng Nam); V điện cho Hà Văn T (tên gọi khác: T Ba đèo, sinh năm 1991, trú: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam); Thân Phạm C điện thoại cho Phan Phước H7 (sinh năm: 1996, trú tại: N, Đ, Quảng Nam), thông báo việc nhóm V2 Lanh sẽ đến Bệnh viện V để đánh H2 và yêu cầu đến Bệnh viện V để tham gia đánh trả lại nhóm V2 Lanh bảo vệ H2.

Khoảng từ 20 giờ đến khoảng 21 giờ 30 ngày 20/11/2017, có khoảng 100 thanh niên từ Đ, Đ, Đà Nẵng (tất cả gọi chung là nhóm thanh niên Đ) đến tập trung tại khu vực quán cà phê N. Nhiều người mang theo dao, mã tấu, kiếm, tuýp sắt, vỏ chai thủy tinh.... Nguyễn Tấn Tiến V đi mua áo mưa tiện lợi về phát cho cả nhóm mặc để phân biệt giữa hai nhóm khi đánh nhau. Khoảng 21 giờ 30 ngày 20/11/2017 nhóm thanh niên Đ (có khoảng 100 đối tượng), thuê khoảng 20 chiếc xe taxi của các hãng xe Đ, S, T, T, H...chở đi theo đường tránh thị trấn V đến đoạn ngã ba cầu G - đường N (Quốc lộ 1A cũ) đi cầu C cũ để đánh nhau với nhóm thanh niên khối phố B, thị trấn N, huyện D (gọi tắt là nhóm thanh niên B).

Thời gian này, tại khu vực đường N (Quốc lộ 1A cũ), đoạn ngã ba đi G, xã P đến ngã tư đi C (cũ), thuộc khối phố B, thị trấn N, huyện D, nhóm thanh niên B (khoảng 30 đối tượng) đã tập trung lại, chuẩn bị các loại hung khí như dao, kiếm, gạch, đá, vỏ chai thủy tinh để dọc đường chờ nhóm thanh niên Đ vào để đánh nhau.

Khoảng 21 giờ 30 ngày 20/11/2017, tại khu vực trên, nhóm thanh niên Đ và nhóm thanh niên B, đối mặt nhau hò hét, la ré; dùng súng bắn (chưa xác định được loại súng) gây thương tích cho Huỳnh Văn T9 (sinh năm: 1994, trú tại: Khối Hà My Đông A, Điện D, Đ, Quảng Nam) và Trịnh Hoài B (sinh năm: 1979, trú tại: Khối phố B, N, D, Quảng Nam); dùng bom xăng, đá, vỏ chai thủy tinh ném; cầm cây, tuýp sắt, mã tấu... đuổi đánh nhau gây náo loạn, ồn ào, mất trật tự tại khu vực dân cư. Công an thị trấn N nhận được tin báo của quần chúng nhân dân đã huy động dân phòng cùng đến hiện trường thì hai nhóm vẫn tiếp tục ẩu đả nhau, chống lại lực lượng Công an, dân phòng (dùng hung khí chém đứt gậy cao su của Công an). Diễn biến sự việc kéo dài khoảng 01 giờ 30 phút, làm giao thông bị cản trở, người dân hoang mang, lo sợ. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, Công an huyện D phân công lực lượng đến thì mới không chế được vụ việc, bắt giữ 08 đối tượng gồm: Trần L (sinh năm 1991, trú: Khối phố B, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam), Phạm Tiến Đ (sinh năm 1991), Đặng Bảo T2 (sinh năm 1999), Võ Văn Kiệt (sinh năm 1997), Phạm Quang T1 (sinh năm 1994), Trần Nhật T3 (sinh năm 1999), Trần Công N1 (sinh năm 1989), cùng trú tại huyện Đ, Huỳnh Kim Hoàng (sinh năm 1995, trú thị xã Đ) và 6 lái xe taxi (đã chở các đối tượng đến hiện trường đánh nhau), giải tán đám đông, các đối tượng khác bỏ chạy. Đã tạm giữ 6 xe taxi, 01 mã tấu, 01 gậy sắt, 01 dao kim loại tự chế, 01 cây rựa và 01thùng vỏ chai nước giải khát bằng thủy tinh.

Hậu quả:

- Huỳnh Văn T9 (sinh năm 1994; trú tại: xã P, thị xã Đ) bị thương tích 56% (Bản kết luận giám định thương tích số 828/C54C(Đ4) ngày 08/12/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng);

- Hoàng Trịnh B (sinh năm 1979; trú tại: Khối phố B, thị trấn N, huyện D) bị thương tích 28% (Bản kết luận giám định thương tích số 807/C54C(Đ4) ngày 27/11/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng);

- Phan Phước H7 (sinh năm 1996; trú tại: phường N, thị xã Đ) bị thương tích 02% (Bản kết luận giám định thương tích số 806/C54C(Đ5) ngày 27/11/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng);

- Nguyễn Hồng V4 (sinh năm 1987; trú tại: Khối phố B, thị trấn N, huyện D) bị thương tích nhẹ (không yêu cầu giám định thương tích).

Quá trình điều tra vụ án các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Ngày 18/4/2018, Nguyễn Văn H2 có đơn yêu cầu khởi tố điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật đối với 02 đối tượng đã gây thương tích cho H2.

Tại Bản giám định thương tích số 326/GĐTT.17 ngày 27/11/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Nam, đã mô tả và kết luận thương tích của Nguyễn Văn H2 cụ thể như sau:

- Thương tích chi tiết:

+ Vùng đỉnh cằm trái có vết rách da đã khâu tái tạo da dài 4cm, rộng 0,1cm. Vết thương do vật sắc cạnh gây nên;

+ Mặt sau ngoài khớp khuỷu tay trái có vết rách da nông đã đóng vảy dài 1,6cm, rộng trung bình 0,2cm;

+ Mặt sau trong đoạn 1/3 giữa cẳng tay trái có vết xước da đã lành sẹo còn đóng vảy dài 5cm, rộng 0,1cm;

+ Gan bàn tay phải, từ dưới móng ngón cái đến gốc mô út (sát cổ tay) có vết rách da và cơ đã khâu tái tạo da hình dấu hỏi dài 17cm, rộng 0,1cm. Vết thương do vật sắc cạnh gây nên;

+ Mặt móng ngón cái bàn tay phải còn nhân móng. Vết cắt trên nhân móng sắc gọn;

+ Ngang qua móng tay các ngón III, IV, V có vết cắt sắc gọn nông không liên tục dài 4,5cm, rộng 0,01cm.

- Kết luận giám định:

Tổn thương chủ yếu còn thấy được ở trên bệnh nhân là các vết rách da và cơ như đã nêu trên;

Mất móng (1/3 trong ra) ngón cái bàn tay phải.

Hạn chế động tác gấp các ngón II, III, IV, V bàn tay phải. Động tác dạng ngón cái hạn chế nhiều. Chưa đối chiếu các ngón được.

Bệnh nhân đang được điều trị tiếp tục tại Bệnh viện đa khoa V, thị xã Đ.

Tỷ lệ thương tích tại thời điểm hiện tại: 12%.

Hẹn giám định bổ sung sau khi ra viện 01 tháng, để đánh giá lại chức năng vận động các ngón bàn tay phải.

* Tại Bản giám định bổ sung thương tích số 140/GĐTT.18 ngày 18/4/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Nam, đã mô tả và kết luận thương tích của Nguyễn Văn H2 cụ thể như sau:

- Thương tích chi tiết:

+ Vùng đỉnh - cằm trái có vết rách da đã lành sẹo dài 3,5cm, rộng 0,1cm. Vết thương do vật sắc cạnh gây nên. Tỷ lệ thương tích 02%;

+ Mặt sau ngoài khớp khuỷu tay trái có vết rách da nông đã lành sẹo dài 1,6cm, rộng trung bình 0,2cm. Vết thương do vật sắc cạnh gây nên. Tỷ lệ thương tích 01%;

+ Mặt sau trong đoạn 1/3 giữa cẳng tay trái có vết xước da đã lành sẹo dài 5cm, rộng 0,1cm. Vết thương do vật sắc cạnh gây nên. Tỷ lệ thương tích 01%;

+ Gan bàn tay phải, từ dưới móng ngón cái đến gốc mô út (sát cổ tay) có vết rách da và cơ đã lành để lại sẹo lồi, xơ, xấu, co kéo hình dấu hỏi dài 19,5cm, rộng 0,2cm. Vết thương do vật sắc cạnh gây nên. Vận động gấp, duỗi các ngón bàn tay phải được bình thường. Động tác dạng ngón I bàn tay phải còn hạn chế do sẹo co kéo. Đối chiếu ngón I với ngón V còn hạn chế nhẹ. Tỷ lệ thương tích 06%;

+ Mất móng ngón cái bàn tay phải còn nhân móng, đã lên móng sần sùi, màu vàng. Vết cắt trên nhân móng sắc gọn. Tỷ lệ thương tích 02%;

+ Ngang qua móng tay các ngón III, IV, V bàn tay phải có vết cắt sắc gọn nông không liên tục dài 4,5cm, rộng 0,1cm, đã lên móng tốt. Hiện tại đã lên móng tốt, không để lại di chứng gì nên không xếp tỉ lệ thương tích.

- Kết luận giám định: Tỉ lệ thương tích tại thời điểm hiện tại là 12%.

Với nội dung nêu trên tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HS-ST ngày 25-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định.

I. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tấn Tiến V, Ngô Phú D, Huỳnh Hữu P, Lê Văn V2, Hà Văn T, Trần Hữu H, Phạm Quang T1, Phạm Tiến Đ, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Quang T5, Nguyễn Hồng V4, Nguyễn S1, và Văn Phú S phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”;

Bị cáo **Văn Phú S** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 245; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Xử phạt: Bị cáo **Ngô Phú D 02** (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian tạm giam từ ngày 30/12/2017 đến 12/12/2018.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 245; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Ngân V1 02** (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 09/7/2018.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 245; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Xử phạt: Bị cáo **Văn Phú S 12** (Mười hai) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

- Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 104; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Xử phạt: Bị cáo **Văn Phú S 06** (Sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”

;

Căn cứ Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Văn Phú S** phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **01** (Một) năm **06** (Sáu) tháng tù.

Căn cứ Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); tổng hợp hình phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại bản án số 05/2018/HSST ngày 02/02/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam buộc bị cáo **Văn Phú S** phải chấp hành chung cho cả hai bản án là **02** (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/12/2017.

4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 245; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Tấn Tiến V 02** (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **04** (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 25/11/2019.

Giao bị cáo Nguyễn Tấn Tiến V cho Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

5. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 245; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn V2 18** (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **36** (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 25/11/2019.

Giao bị cáo Lê Văn V2 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

6. Xử phạt: Bị cáo **Phạm Tiến Đ 18** (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **36** (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 25/11/2019.

Giao bị cáo Phạm Tiến Đ cho Ủy ban nhân dân xã Đại Quang, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

7. Xử phạt: Bị cáo **Phạm Quang T1 18** (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **36** (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 25/11/2019.

Giao bị cáo Phạm Quang T1 cho Ủy ban nhân dân phường H Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

8. Xử phạt: Bị cáo **Trần Hữu H 18** (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **36** (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 25/11/2019.

Giao bị cáo Trần Hữu H cho Ủy ban nhân dân xã Đại Nghĩa, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

9. - Bị cáo Nguyễn S1 12 (Mười hai) tháng **25** (hai mươi lăm) ngày tù. Bị cáo được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2017 đến ngày 25/01/2019. Bị cáo đã chấp hành xong.

10. - Bị cáo Nguyễn Văn T3 11 (Mười một) tháng **12** (Mười hai) ngày tù. Bị cáo được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2017 đến ngày 12/12/2018. Bị cáo đã chấp hành xong.

- Bị cáo **Huỳnh Hữu P 11** (Mười một) tháng **12** (Mười hai) ngày tù. Bị cáo được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2017 đến ngày 12/12/2018. Bị cáo đã chấp hành xong.

11 - Bị cáo Nguyễn Quang T5 11 (Mười một) tháng **12** (Mười hai) ngày tù. Bị cáo được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2017 đến ngày 12/12/2018. Bị cáo đã chấp hành xong.

12 - Bị cáo Hà Văn T 11 (Mười một) tháng **12** (Mười hai) ngày tù. Bị cáo được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2017 đến ngày 12/12/2018. Bị cáo đã chấp hành xong.

13 - Bị cáo Nguyễn Hồng V4 11 (Mười một) tháng **12** (Mười hai) ngày tù. Được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2017 đến ngày 12/12/2018. Bị cáo đã chấp hành xong.

14- Bị cáo Nguyễn Quang T5 11 (Mười một) tháng **12** (Mười hai) ngày tù. Bị cáo được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2017 đến ngày 12/12/2018. Bị cáo đã chấp hành xong.

Ngoài ra bản án còn quyết định về hình phạt với 08 bị cáo khác, quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi có bản án sơ thẩm:

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam có kháng nghị số 02/QĐ –VKS – P2 ngày 09 tháng 12 năm 2019 kháng nghị bản án với các nội dung:

+ Tăng hình phạt tù đối với **07 bị cáo:** Nguyễn Hồng V4, Nguyễn S1, Nguyễn Văn T3, Huỳnh Hữu P, Nguyễn Quang T5, Hà Văn T, Văn Phú S về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Điểm b Khoản 2 Điều 245 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009

+ Chuyển hình phạt tù giam, không áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 cho hưởng án treo đối với **05 bị cáo**: Nguyễn Tấn Tiến V, Lê Văn V2, Phạm Tiến Đ, Phạm Quang T1, Trần Hữu H.

+ Các bị cáo Ngô Phú D, Phạm Ngân V1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

+ Bị cáo Trần Công N1 có đơn kháng cáo sau đó rút đơn kháng cáo. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Trần Công N1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Ngô Phú D, Phạm Ngân V1, rút kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát rút phần kháng nghị đối với các bị cáo: Nguyễn Hồng V4, Nguyễn S1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Quang T5, Nguyễn Tấn Tiến V, Lê Văn V2, Phạm Tiến Đ, Phạm Quang T1, Trần Hữu H.

Giữ nguyên kháng nghị đối với bị cáo Huỳnh Hữu P, Hà Văn T, Văn Phú S.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, bị hại Nguyễn Văn H2: Trú tại ,Cẩm Đồng – P – N – Quảng Nam có đơn xin rút yêu cầu khởi tố vụ án đối với bị cáo Văn Phú S về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 104; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xét thấy: Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Ngô Phú D, Phạm Ngân V1, Nguyễn Hồng V4, Nguyễn S1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Quang T5, Nguyễn Tấn Tiến V, Lê Văn V2, Phạm Tiến Đ, Phạm Quang T1, Trần Hữu H.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 155 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy một phần bản án và đình chỉ vụ án đối với Văn Phú S về tội “Cố ý gây thương tích” do bị hại rút yêu cầu khởi tố vụ án. Trong trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi (*Công văn số 254/TANDTC ngày 26/11/2018.*)

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo, và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 20/11/2017, tại quán bê thui T thuộc khối phố B, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam, do có mâu thuẫn trong việc mượn tiền giữa ông Lương Phú T5 và bị hại Nguyễn Văn H2 nên giữa T5 và H2 xảy ra cãi nhau to tiếng. Lúc này, Nguyễn D2 đi ngang quán bê thui T nhìn thấy T5 và H2 cãi nhau, nghe H2 to tiếng thách đố T5 nên Nguyễn D2 đi vào trong quán bê thui T lấy con dao dùng để chặt thịt bê để trên bàn đi ra nơi T5 và H2 cãi nhau. H2 tiếp tục to tiếng thách đố T5 nên D2 tức giận cầm con dao xông đến chém H2 02

nhát từ trên xuống vào đầu của H2. Nhát thứ nhất H2 tránh được, nhát thứ hai H2 đưa tay phải lên đỡ nên đã trúng vào đầu và tay phải gây thương tích 10%. Cũng trong khoảng thời gian này, bị cáo Văn Phú S chạy xe máy đi ngang qua quán T nhìn thấy H2 và T5 đang to tiếng với nhau. Bị cáo S nghe H2 đòi đánh T5 nên dừng lại, dựng xe máy bên đường (đối diện quán T), đi tìm 01 khúc cây để giúp T5 đánh H2 nhưng không tìm thấy. Bị cáo S tiếp tục chạy đến khu vực chợ gần đó thì nhìn thấy 01 con dao cũ (đã rỉ sét) dắt sẵn ở sạp bán thịt. Bị cáo S lấy con dao quay lại quán T, thấy H2 và T5 còn to tiếng với nhau. Bị cáo S thấy Nguyễn D2 từ đâu chạy đến dùng dao chém H2 mấy nhát nên S cũng cầm dao chạy đến chém H2 02 - 03 nhát gây thương tích 02 %.

[1.1] Từ việc mâu thuẫn đánh nhau gây thương tích giữa bị hại Nguyễn Văn H2 và ông Lương Phú T5 nên nhóm thanh niên quen biết H2 (gọi là nhóm thanh niên Đ) đã tập trung tại khu vực trước Bệnh viện V nhiều đối tượng mang theo hung khí như dao, ma tấu, tuýp sắt, vỏ chai thủy tinh; thuê nhiều chiếc xe taxi của nhiều hãng xe T, S, H, Đ...chở đi theo đường tránh V, thị xã Đ đến đoạn ngã ba G, để đánh nhau với nhóm thanh niên khối phố B, thị trấn N, huyện D có quen biết T5 đã gây ra thương tích cho bị hại Nguyễn Văn H2. Trong đó xác định được các bị cáo Ngô Phú D, Nguyễn Tấn Tiến V, Huỳnh Hữu P, Phạm Ngân V1, Lê Văn V2, Hà Văn T, Trần Công N1, Lê Công B, Đặng Bảo T2, Trần Hữu H, Trần Nhật T3, Phạm Quang T1, Phạm Tiến Đ đã gặp nhau, bàn bạc, cấu kết chặt chẽ để cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội.

[1.2] Trong khoảng thời gian này tại ngã ba đường đi G, đoạn đường N (Quốc lộ 1A cũ) gần Công ty Việt Quang thuộc khối phố B, thị trấn N, nhóm thanh niên B có khoảng 30 đối tượng đã tập trung lại, chuẩn bị các loại hung khí như dao, kiếm, gạch, đá, vỏ chai thủy tinh để dọc đường chờ nhóm thanh niên Đ vào để đánh nhau. Trong đó, xác định được các bị cáo Văn Công V2, Văn Phú S, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Quang T5, Nguyễn Hồng V4, Trần Duy L, Văn Anh K, Nguyễn S1 và Huỳnh Tấn M đã gặp nhau, bàn bạc, cấu kết chặt chẽ để cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội.

Khoảng 21 giờ 30 đến 23 giờ, ngày 20/11/2017, tại khu vực ngã ba đi G, đoạn đường N (Quốc lộ 1A cũ) đến ngã tư đi C (cũ), nhóm thanh niên Đ và nhóm thanh niên B, đối mặt nhau hò hét, la ré; dùng các loại hung khí như: súng, dao, mã tấu, tuýp sắt để đánh nhau, dùng vỏ chai thủy tinh (vỏ chai bia, nước ngọt), bom xăng (chai thủy tinh chứa xăng), gạch, đá ném nhau đã gây thương tích cho Huỳnh Văn T9 (theo kết luận giám định thương tích là 56%), Hoàng Trịnh B (theo kết luận

giám định thương tích là 28%) và Phan Phước H7 (theo kết luận giám định thương tích là 02%); gây náo loạn, ồn ào, gây mất trật tự tại khu vực dân cư. Không xác định được ai là người dùng súng. Diễn biến sự việc kéo dài khoảng 01 tiếng 30 phút, làm giao thông bị cản trở, tâm lý của người dân bị hoang mang lo sợ. Khi Công an huyện, dân phòng đến hiện trường thì các đối tượng vẫn tiếp tục ẩu đả nhau, chống lại lực lượng Công an, dân phòng. Việc gây rối của các đối tượng gây hậu quả nghiêm trọng là cản trở ách tắc giao thông đến dưới 2 giờ; nhiều người bị thương tích, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội.

[2] Với những hành vi nêu trên của các bị cáo Ngô Phú D, Nguyễn Tấn Tiến V, Phạm Ngân V1, Huỳnh Hữu P, Lê Văn V2, Trần Công N1, Lê Công B, Hà Văn T, Đặng Bảo T2, Trần Hữu H, Trần Nhật T3, Phạm Quang T1, Phạm Tiến Đ, Văn Công V2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Quang T5, Nguyễn Hồng V4, Trần Duy L, Văn Anh K, Nguyễn S1, Huỳnh Tấn M và Văn Phú S; Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 245 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009). Hành vi của bị cáo Văn Phú S bị xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009), là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung: Tăng hình phạt tù đối với 03 bị cáo: Huỳnh Hữu P, Hà Văn T, Văn Phú S về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Điểm b Khoản 2 Điều 245 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xét thấy: Trong vụ án này các bị cáo có vai trò đồng phạm tương đối ngang nhau và bị xét xử theo quy định tại Khoản 2 Điều 245 BLHS năm 1999. Bản án sơ thẩm khi áp dụng phạt luật đã xử phạt các bị cáo Huỳnh Hữu P, Hà Văn T, mức án mỗi bị cáo là 11 tháng 12 ngày tù, là thỏa đáng, vì các bị cáo có vai trò thứ yếu trong vụ án (*cũng tương đương với các bị cáo khác đã bị rút kháng nghị*), do đó kháng nghị của Viện kiểm sát đối với bị cáo P và bị cáo T là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với bị cáo Văn Phú S phạm 02 tội và có vai trò tích cực hơn các bị cáo Huỳnh Hữu P, Hà Văn T bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo S 12 tháng tù là chưa đánh giá hết tính chất mức độ hành vi phạm tội bị cáo. Do vậy kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Văn Phú S là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử sẽ tăng một phần hình phạt đối với bị cáo để thể hiện

sự công bằng khi quyết định hình phạt và thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật đối với loại tội phạm này.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 155, Điều 342, 348 Bộ luật Tố tụng hình sự.

I. Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo: Ngô Phú D, Phạm Ngân V1, Nguyễn Hồng V4, Nguyễn S1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Quang T5, Nguyễn Tấn Tiến V, Lê Văn V2, Phạm Tiến Đ, Phạm Quang T1, Trần Hữu H.

II. Hủy một phần bản án, và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Văn Phú S về tội “Cố ý gây thương tích”.

III. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung tăng hình phạt đối với bị cáo Văn Phú S. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2019/HS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về hình phạt đối với Văn Phú S. Không chấp nhận nội dung kháng nghị đối với Huỳnh Hữu P và Hà Văn T.

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 245; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Xử phạt: Bị cáo **Văn Phú S 18** tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

Căn cứ Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); tổng hợp hình phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” tại bản án số 05/2018/HSST ngày 02/02/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam buộc bị cáo **Văn Phú S** phải chấp hành chung cho cả hai bản án là **02** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/12/2017.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 245; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

- Bị cáo **Huỳnh Hữu P 11 tháng 12 ngày tù**. Bị cáo được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2017 đến ngày 12/12/2018. Bị cáo đã chấp hành xong.

- Bị cáo **Hà Văn T 11 tháng 12 ngày tù**. Bị cáo được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2017 đến ngày 12/12/2018. Bị cáo đã chấp hành xong.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, và không bị kháng nghị hoặc có kháng cáo kháng nghị nhưng bị đình chỉ xét xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Xuân Thành